

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26/7/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nghệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thường và ông Đậu Cao Nhu

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Trang, Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị P, sinh năm 1983. Có mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1981. Vắng mặt

Cùng trú tại: Xóm A, xã C, huyện L, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/02/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc H có đăng ký kết hôn vào ngày 07/9/2007 tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Nghệ An, kết hôn tự nguyện. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Anh H thường uống rượu, chửi bới, đánh đập, xúc phạm chị. Vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng từ đầu năm 2020, và đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị làm việc ở Hà Nội, thỉnh thoảng mới về địa phương. Khi về chị cũng về nhà bố mẹ đẻ ở xóm A, xã C ở. Quá trình sống ly thân,

chị và anh H không còn quan tâm, liên lạc với nhau nữa. Nay tình cảm của chị với anh H không còn, chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh Hưởng có 03 con chung là Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 06/7/2008; Nguyễn Ngọc Tiến T, sinh ngày 04/02/2012; Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 01/3/2019. Con chung là chiến hiện nay đang làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh, con Nguyễn Ngọc T2 đang ở với chị, con Nguyễn Ngọc Tiến T đang ở với anh Hưởng. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu T2, giao cháu C và cháu T cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị và anh H không cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30/5/2023 bị đơn anh Nguyễn Ngọc H trình bày: Anh đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bản sao đơn khởi kiện và tài liệu khởi kiện do Tòa án tổng đạt. Anh và chị P kết hôn với nhau vào ngày 07/9/2007 tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, hạnh phúc. Đến năm 2020 vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân là do tại thời điểm làm nhà vợ chồng vay mượn, mâu thuẫn về kinh tế nên vợ chồng thường cãi nhau, chị P đi làm ở Hà Nội không quan tâm đến chồng con, không gửi tiền về cho con. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Quá trình sống ly thân, chị P không hỏi han gì chồng con nữa. Tuy nhiên anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ vì các con hiện đã lớn, anh không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị P. Anh và chị P có 03 con chung là Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 06/7/2008; Nguyễn Ngọc Tiến T, sinh ngày 04/02/2012; Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 01/3/2019. Cháu C hiện đang đi làm ở Bình Dương, anh không biết địa chỉ cụ thể của cháu. Cháu T hiện đang ở với anh, cháu T2 đang ở với chị P. Anh không đồng ý ly hôn nên không đồng ý về việc phân chia con. Về tài sản anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu T có nguyện vọng được ở với cả bố và mẹ, không muốn bố mẹ ly hôn.

Kết quả xác minh tại UBND xã C cho biết: Chị Lê Thị P và anh Nguyễn Ngọc H có đăng ký kết hôn vào ngày 07/9/2007 tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Nghệ An. Quá trình chung sống giữa chị P và anh H xảy ra mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được vì không thông qua hòa giải tại cơ sở. Quá trình chung sống anh H và chị P có 03 con chung Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 06/7/2008; Nguyễn Ngọc Tiến T, sinh ngày 04/02/2012; Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 01/3/2019. Anh Nguyễn Ngọc H có nơi cư trú tại xóm A, xã C, huyện L, tỉnh Nghệ An. Anh H thường xuyên

có mặt tại địa phương. Chị P đề nghị ly hôn, tranh chấp về nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm quyền quyền giải quyết vụ án; xác định quan hệ tranh chấp; Hồ sơ được lập, đánh số bút lục; Xác định tư cách nguyên đơn, bị đơn; Xác minh thu thập chứng cứ; Việc tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và phiên hòa giải; Xét về thời hạn giải quyết vụ án; Về tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng với quy định của BLTTDS; Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS. Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 70, 71 BLTTDS, bị đơn không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án tại các buổi hòa giải là thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật HNGĐ năm 2014; Điều 147 BLTTDS năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14:

- Về tình cảm: cho chị Lê Thị P được ly hôn anh Nguyễn Ngọc H
- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc C và Nguyễn Ngọc Tiến T cho anh Nguyễn Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Ngọc T2 cho chị Lê Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.
- Về án phí: chị Lê Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Lê Thị P có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H, có nguyện vọng nuôi con chung, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Anh Nguyễn Ngọc H có nơi thường trú tại xóm A, xã C, huyện L, tỉnh Nghệ An. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt: Bị đơn anh Nguyễn Ngọc H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng

vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Thị P và anh Nguyễn Ngọc H là hợp pháp, tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống giữa chị P và anh H có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng chung sống không hòa hợp. Chị P và anh H đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Anh H mong muốn vợ chồng đoàn tụ xây dựng gia đình nhưng chị P không đồng ý, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh H đã trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị Lê Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H.

[2.2] Nguyên vọng xin được nuôi con của chị P là chính đáng, thể hiện trách nhiệm và nghĩa vụ đối với các con. Anh P không đồng ý phân chia con do anh không đồng ý ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án anh H và chị P đều thừa nhận cháu C đã đi làm ăn xa, không biết địa chỉ cụ thể, vì thế Tòa án không thể lấy lời khai của cháu C về nguyện vọng được ở với ai. Tuy nhiên, cháu C cũng đã lớn, khỏe mạnh, bình thường, đã tự lập nuôi sống bản thân nên việc giao cháu cho ai nuôi dưỡng cũng không ảnh hưởng đến cháu. Hiện nay anh H đang nuôi dưỡng cháu T, chị P đang nuôi dưỡng cháu T2, xét thấy từ khi vợ chồng sống ly thân chị P, anh H nuôi các con chung vẫn đảm bảo sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt cho các con. Nên giao cháu Nguyễn Ngọc T2 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Ngọc Chiến T cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận nguyện vọng về con của chị P. Giao các con chung là Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 06/7/2008; Nguyễn Ngọc Tiến T, sinh ngày 04/02/2012 cho anh Nguyễn Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 01/3/2019 cho chị Lê Thị P trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị P không yêu cầu anh H hưởng đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung, anh H cũng không có ý kiến gì nên miễn xét.

[2.3] Về tài sản: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét

[3] Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị P được ly hôn anh Nguyễn Ngọc H.
2. Về con chung: Giao các con chung Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 06/7/2008; Nguyễn Ngọc Tiến T, sinh ngày 04/02/2012 cho anh Nguyễn Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 01/3/2019 cho chị Lê Thị P trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H, chị P vì chưa ai yêu cầu.

Anh H, chị P có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị P, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: Chị Lê Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị P đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu theo biên lai số 0000120 ngày 14/02/2023.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lê Thị P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn anh Nguyễn Ngọc H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản sao bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu;
- UBND xã C (ĐKKH 2007);
- Dương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nghệ